

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (UPCOM: SPH)

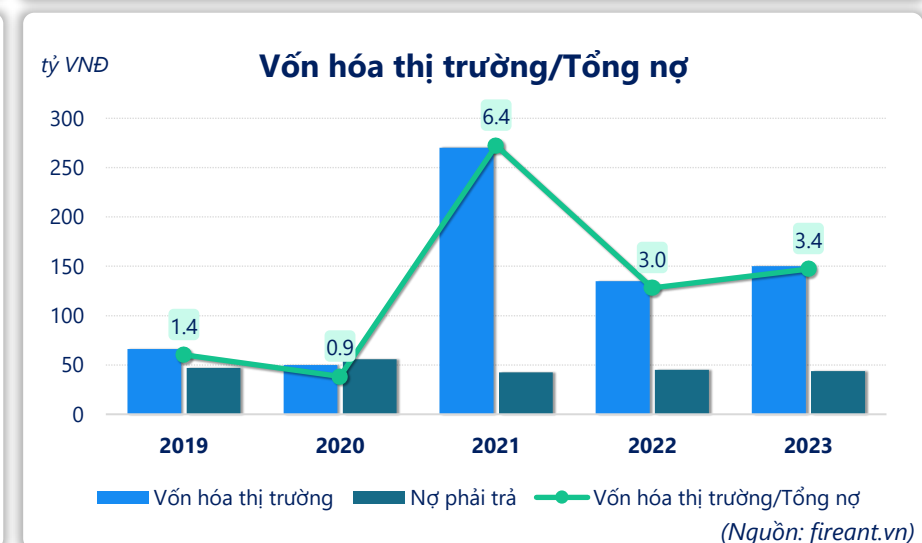
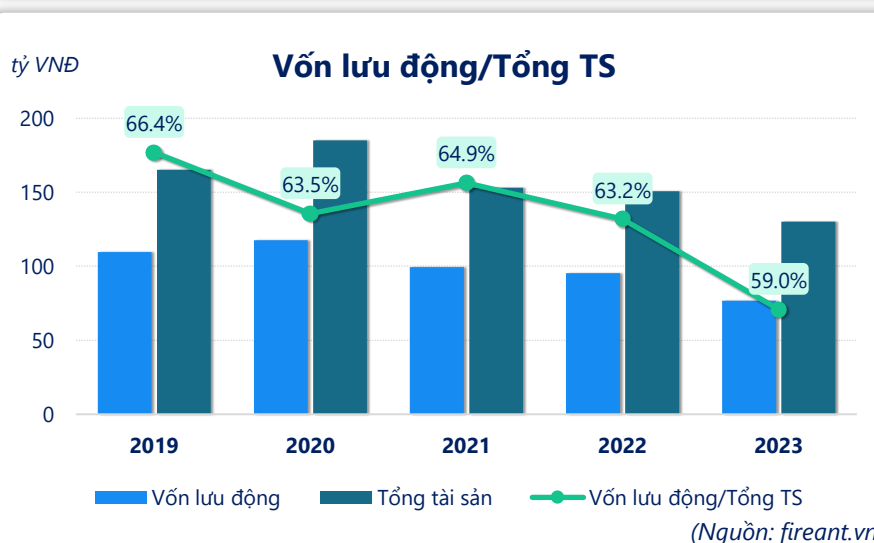
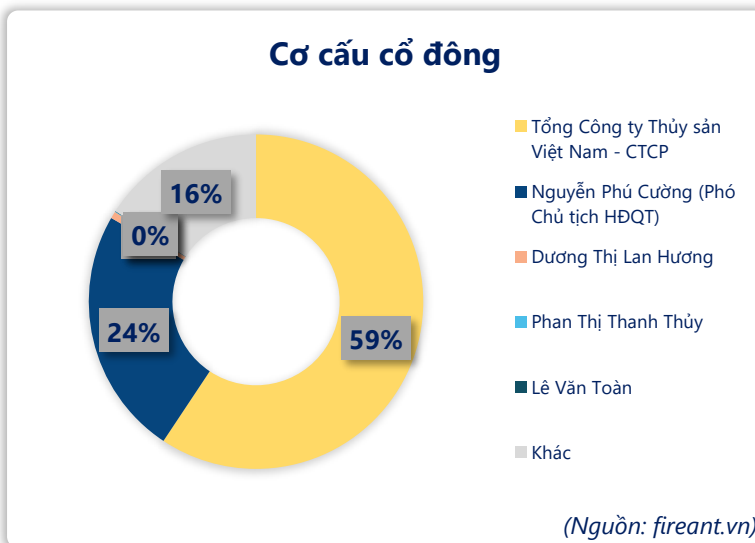
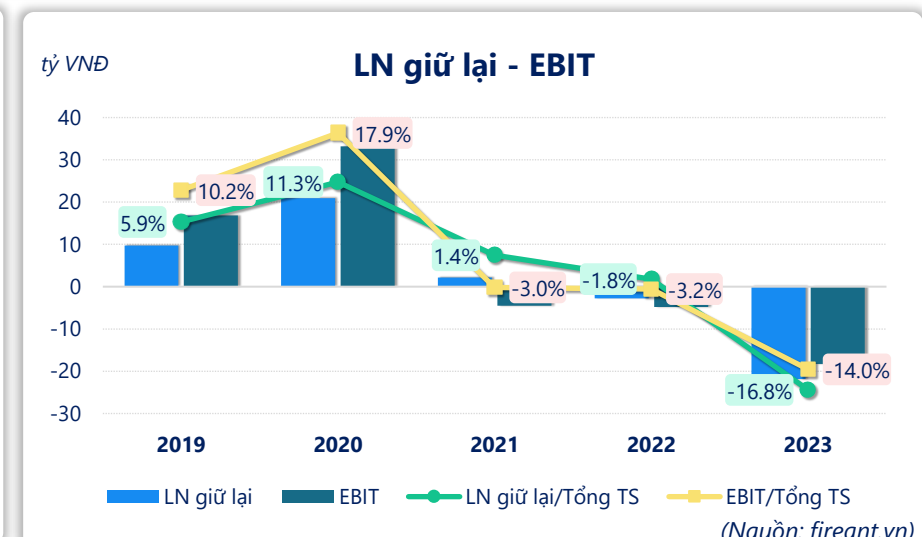
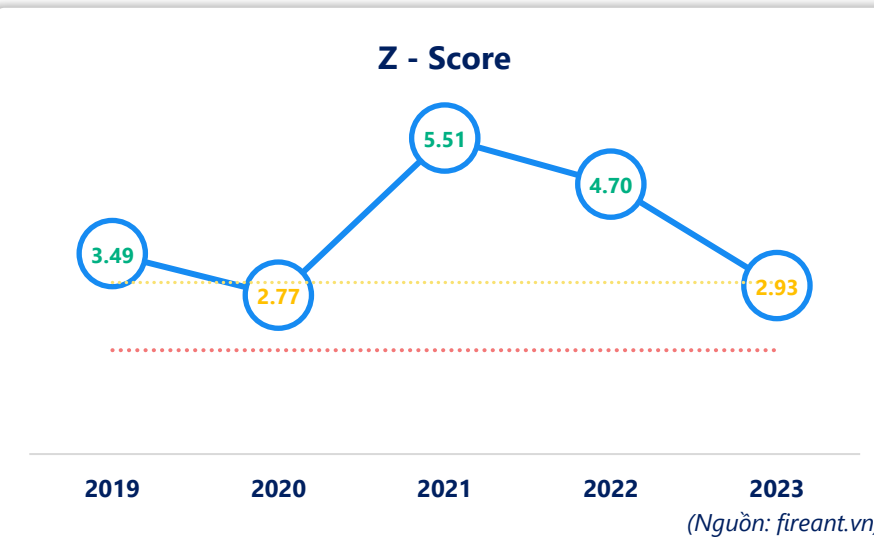
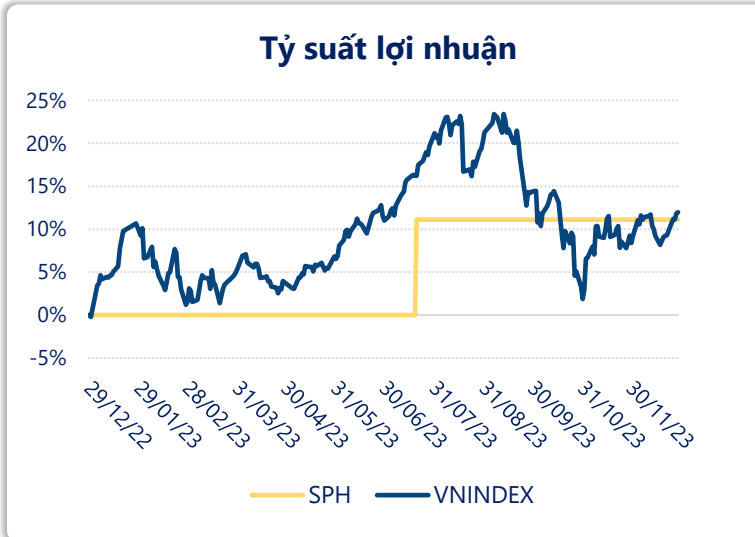
Sản xuất thực phẩm

Ngày	15,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	11.1%

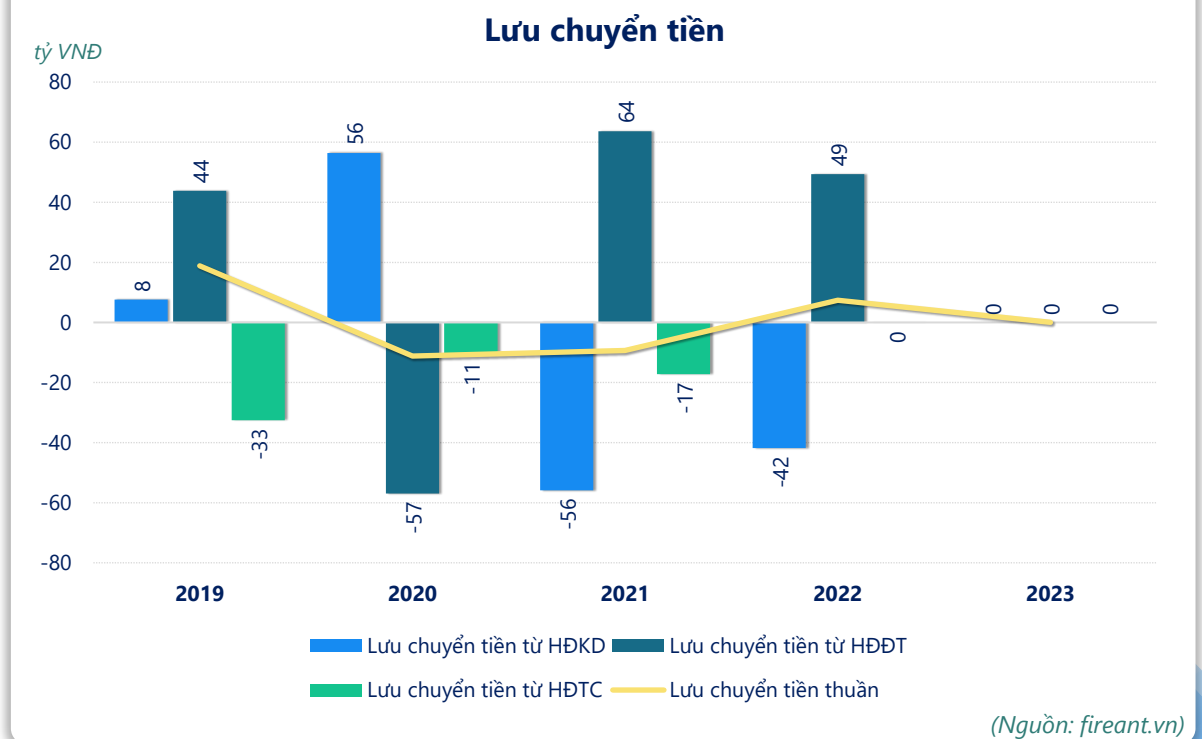
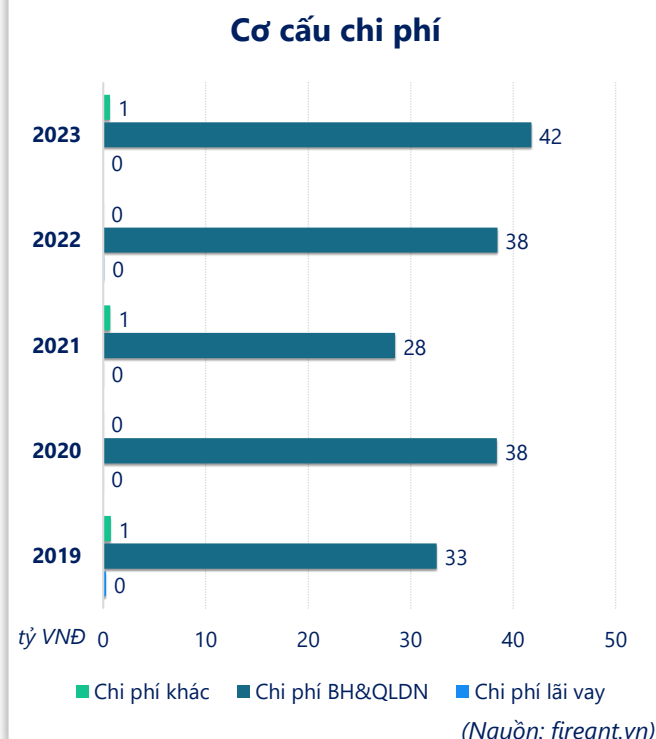
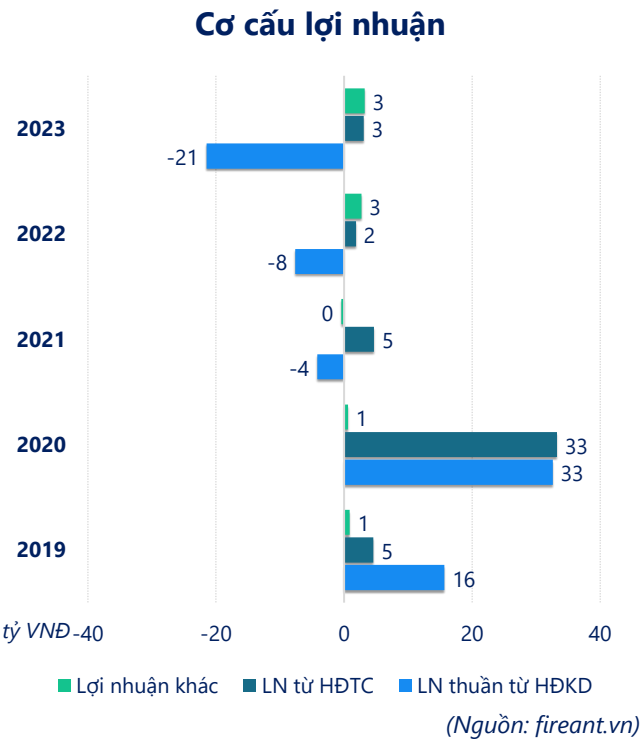
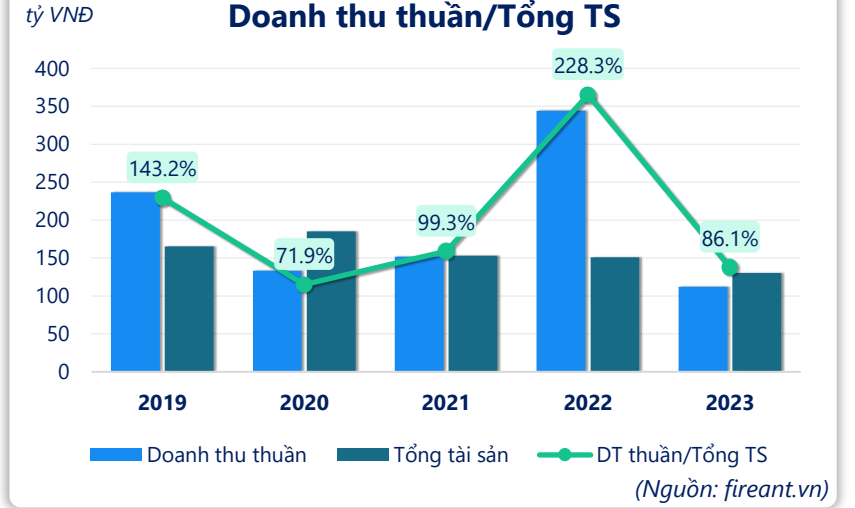
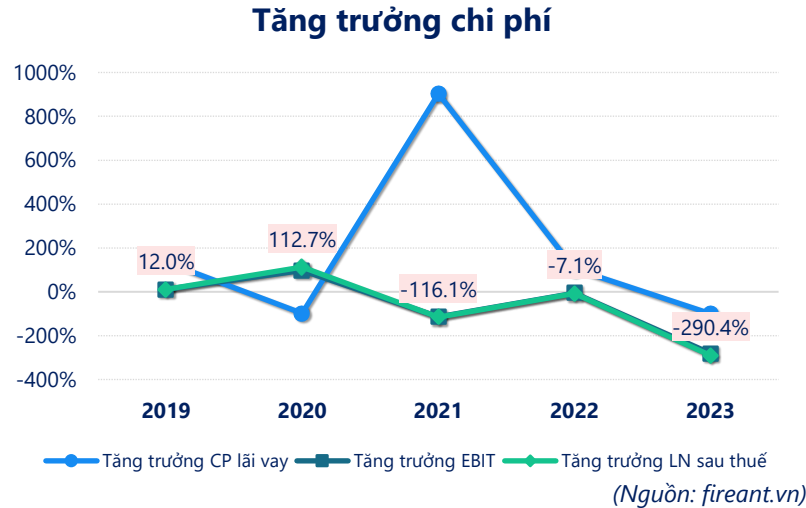
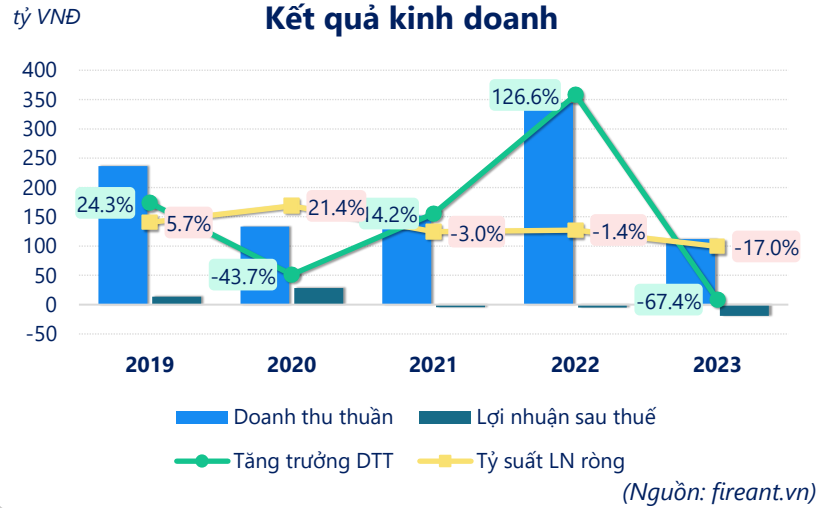
Hệ số nguy cơ phá sản	2.93
Z - score (sản xuất)	(Ca)
2023	Cảnh báo

DT thuần	2023	YoY
	112	▼ 232
tỷ VNĐ		▼ 67.4%

LN sau thuế	2023	YoY
	-19.1	▼ 14.2
tỷ VNĐ		▼ 290%



CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (UPCOM: SPH)



CÁC ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	130	151	-13.7%
Tài sản ngắn hạn	120	141	-14.3%
Tiền và tương đương tiền	24.3	17.1	41.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.6	11.3	269%
Phải thu ngắn hạn	43.0	85.5	-49.7%
Hàng tồn kho	10.5	26.0	-59.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	0.63	46.7%
Tài sản dài hạn	9.79	10.3	-4.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.36	3.74	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.43	6.54	-1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	43.6	45.2	-3.4%
Nợ ngắn hạn	43.6	45.2	-3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.17	3.40	-6.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.5	106	-18.1%
Vốn chủ sở hữu	86.5	106	-18.1%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	237	133	152	344	112
Giá vốn hàng bán	193	95.3	132	315	94.9
Lợi nhuận gộp	43.6	37.8	19.7	29.0	17.2
Doanh thu HĐTC	4.86	33.4	4.78	2.15	3.17
Chi phí TC	0.29	0.11	0.11	0.30	0.11
Chi phí lãi vay	0.29	0.00	0.05	0.09	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.90	6.45	6.77	13.3	10.0
Chi phí QLDN	24.6	32.0	21.7	25.1	31.8
LN thuần từ HĐKD	15.6	32.6	-4.16	-7.62	-21.5
Lợi nhuận khác	0.88	0.60	-0.41	2.72	3.22
LN trước thuế	16.5	33.2	-4.57	-4.89	-18.3
Lợi nhuận sau thuế	13.4	28.5	-4.57	-4.89	-19.1
LNST của CĐ cty mẹ	13.4	28.5	-4.57	-4.89	-19.1

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.55	56.4	-55.8	-41.9	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.8	-57.0	63.6	49.3	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.5	-10.7	-17.2	-0.10	0
Tiền đầu kỳ	11.6	30.4	19.2	9.84	0
Lưu chuyển tiền thuần	18.8	-11.2	-9.38	7.35	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	-0.01	-0.07	0
Tiền cuối kỳ	30.4	19.2	9.84	17.1	0

(Nguồn: fireant.vn)